Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 1522.00.90

Mã HS	1522.00.90
Mô tả hàng hóa	Chất nhờn; bã, cặn còn lại sau quá trình xử lý các chất béo hoặc sáp động vật hoặc thực vật / - Loại khác
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	06/11/2026 02:35:20
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/15220090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K2129
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N2129
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q2129
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	1.7	1,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E2136
ATIGA	2022	2022	0	AT!E2109
ATIGA	2023	2023	0	AT!F2109
ATIGA	2024	2024	0	AT!G2109
ATIGA	2025	2025	0	AT!H2109
ATIGA	2026	2026	0	AT!I2109
ATIGA	2027	2027	0	AT!J2109
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E2139
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F2139

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G2139
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H2139
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I2139
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J2139
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E2141
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F2141
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G2141
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H2141
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I2141
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J2141
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F2143
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H2111
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F2111
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G2111
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H2111
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I2111
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J2111
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K2111
VKFTA	2022	2022	0	VK!E2109
VKFTA	2023	2023	0	VK!F2109
VKFTA	2024	2024	0	VK!G2109
VKFTA	2025	2025	0	VK!H2109
VKFTA	2026	2026	0	VK!I2109
VKFTA	2027	2027	0	VK!J2109
VCFTA	2022	2022	0	VC!D2150
VCFTA	2023	2023	0	VC!E2150

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F2150
VCFTA	2025	2025	0	VC!G2150
VCFTA	2026	2026	0	VC!H2150
VCFTA	2027	2027	0	VC!I2150
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D2149
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E2149
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F2149
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G2149
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H2149
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I2149
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D2155
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E2155
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F2155
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G2155
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H2155
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I2155
EVFTA	2022	2022	0,7	EV-NK!D2116
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E2116
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F2116
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G2116
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H2116
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I2116
UKVFTA	2022	2022	0,7	UKV!D2118
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E2118
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F2118
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G2118

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H2118
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I2118
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D2118
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E2118
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F2118
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G2118
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H2118
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I2118
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J2118
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D2141
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E2141
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F2141
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G2141
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H2141
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I2141
RCEP B	2022	2022	0	B!D2141
RCEP B	2023	2023	0	B!E2141
RCEP B	2024	2024	0	B!F2141
RCEP B	2025	2025	0	B!G2141
RCEP B	2026	2026	0	B!H2141
RCEP B	2027	2027	0	B!I2141
RCEP C	2022	2022	0	C!D2141
RCEP C	2023	2023	0	C!E2141
RCEP C	2024	2024	0	C!F2141
RCEP C	2025	2025	0	C!G2141
RCEP C	2026	2026	0	C!H2141

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I2141
RCEP D	2022	2022	0	D!D2141
RCEP D	2023	2023	0	D!E2141
RCEP D	2024	2024	0	D!F2141
RCEP D	2025	2025	0	D!G2141
RCEP D	2026	2026	0	D!H2141
RCEP D	2027	2027	0	D!I2141
RCEP E	2022	2022	0	E!D2144
RCEP E	2023	2023	0	E!E2144
RCEP E	2024	2024	0	E!F2144
RCEP E	2025	2025	0	E!G2144
RCEP E	2026	2026	0	E!H2144
RCEP E	2027	2027	0	E!I2144
RCEP F	2022	2022	0	F!D2141
RCEP F	2023	2023	0	F!E2141
RCEP F	2024	2024	0	F!F2141
RCEP F	2025	2025	0	F!G2141
RCEP F	2026	2026	0	F!H2141
RCEP F	2027	2027	0	F!I2141
VIFTA	2024	2024	2.6	VI!F1994
VIFTA	2025	2025	2.1	VI!G1994
VIFTA	2026	2026	1.7	VI!H1994
VIFTA	2027	2027	1.3	VI!I1994

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 1522.00 có 2 dòng thuế; dòng 1522.00.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	1522.00.10 Chất nhờn	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 1522.00.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 1522.00.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N2129), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.